

CỔ PHẦN HÓA VÀ VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

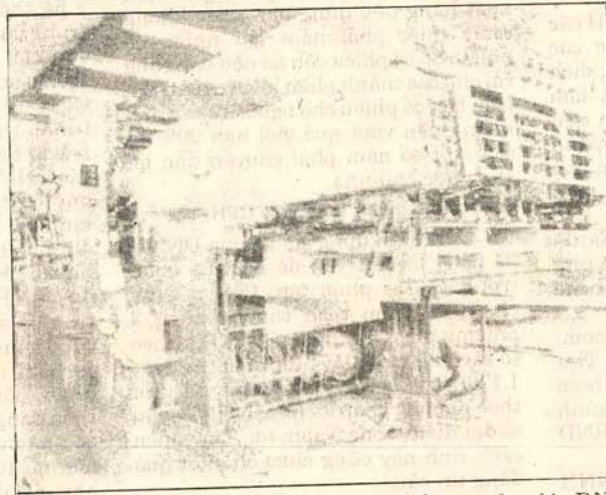
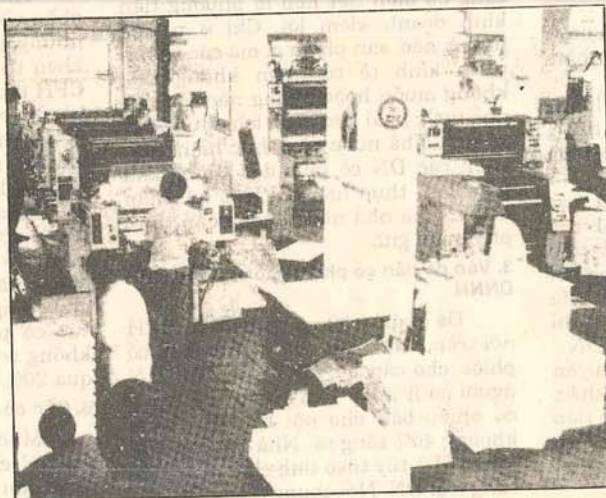
PTS. ĐINH SƠN HÙNG

I. SỰ CẦN THIẾT CỔ PHẦN HÓA (CPH) MỘT SỐ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (DNNN)

Trước thời điểm bắt đầu thực hiện Nghị định 388, số DNNN ước khoảng 12.000 đơn vị. Và nếu nhìn vào số liệu thống kê thì chúng ta dễ an tâm về vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế này, với 36% tổng sản phẩm xã hội, 56% giá trị sản lượng công nghiệp được tạo ra ở đây và đóng góp 60% tổng thu ngân sách quốc gia. Nhưng khi xem xét hiệu quả hoạt động thì khu vực kinh tế quốc doanh lại rất yếu kém. Biểu hiện trước hết ở chỗ, khu vực kinh tế này nắm giữ trên 90% tổng vốn xã hội, lại được các ngân hàng tập trung cho vay trên 80%, nhưng số doanh nghiệp hoạt động có lãi chỉ chiếm 20 - 25%, số thua lỗ 30 - 35%, số còn lại đang gặp khó khăn về tài chính và tồn tại một cách vất vả. Thứ hai, tỷ suất lợi nhuận bình quân của kinh tế quốc doanh chỉ đạt 0,97%/năm, trong khi đó khu vực ngoài quốc doanh là 2,16%/năm. Do vậy, nếu tính hiệu quả sinh lời của vốn đầu tư thì bình quân 1 đồng vốn ở khu vực kinh tế quốc doanh tạo lãi là 0,04 đồng/năm còn số trên đối với khu vực ngoài quốc doanh là 0,12.

Nguyên nhân hoạt động kém hiệu quả của kinh tế quốc doanh có thể kể đến như sau:

- Các DNNN ra đời và hoạt động thời gian khá dài trong cơ chế bao cấp theo kiểu lời nhà nước thu, lỗ nhà nước chịu, muốn mở rộng



sản xuất: ngân sách nhà nước cấp và hoàn toàn không phải chịu bất cứ sức ép nào của cạnh tranh.

- Ở DNNN, người chủ sở hữu tài sản chung là nhà nước, nhưng nhà nước lại không trực tiếp quản lý mà bổ nhiệm và giao quyền quản lý DN cho giám đốc. Điều đó đưa đến chỗ người lao động không quan tâm đến tài sản nhà nước và hiệu quả sử dụng tài sản đó. Còn giám đốc, dù được nhà nước

giao quyền quản lý DN, nhưng họ vẫn hiểu rằng tài sản DN không thuộc quyền sở hữu của mình. Là thành viên trong cộng đồng, một tài sản nào đó thuộc sở hữu toàn dân cũng là của cá nhân, nhưng cá nhân lại không có quyền gì đối với tài sản đó, không được sử dụng theo ý muốn của mình, không có quyền quyết định đến sự tồn tại hay không tồn tại của DN. Vì vậy nếu như giám đốc có quan tâm đến

sự phát triển của DN trong tương lai thì đòi hỏi phải chấp nhận những mạo hiểm nhất định. Nhưng trong việc mạo hiểm đó, nếu thất bại thì bị kỷ luật, mất chức, còn nếu thành công thì kết quả mang lại cho bản thân cũng không tương xứng với sự mạo hiểm đó. Hơn nữa nếu sắp đến tuổi hưu thì không dại gì lao vào những công việc tương lai đầy mạo hiểm.

Từ hai nguyên nhân trên đưa đến kết quả là các DNNN hoạt động, tồn tại trong sự tách rời TLSX với người lao động và đã làm triệt tiêu động lực năng động, sáng tạo của họ.

CPH DNNN chính là để khắc phục những hạn chế trên. Nhờ đó việc sử dụng các nguồn tài nguyên của đất nước có hiệu quả hơn.

Danh từ CPH xuất phát từ chữ "cổ phần" hàm ý chỉ một quá trình chuyển đổi loại hình DN hiện thời thành một công ty cổ phần (CTCP)- loại hình DN có thể bao gồm các tư nhân hợp lại, nhưng cũng có thể là sự kết hợp giữa công và tư theo xu hướng tỷ trọng vốn nghiêng về phía tư nhân.

Ở các nước khác nhau, CTCP có thể có tên gọi khác nhau. Ví dụ, ở Pháp là công ty vô danh, ở Anh là công ty với trách nhiệm hữu hạn, ở Mỹ gọi là công ty kinh doanh, ở Nhật là công ty chung...Tuy nhiên về bản chất, tổ chức hoạt động thì chúng không có khác biệt đáng kể nào.

CTCP là DN có tư cách

pháp nhân, mà sự hoạt động của nó được định hướng và quản lý bởi hội đồng quản trị và ban giám đốc. Còn chủ sở hữu tài sản của CTCP là các cổ đông và họ trực tiếp chọn một hội đồng quản trị để hoạch định chính sách của công ty.

CPH một số DNNN, một mặt nhằm cơ cấu lại khu vực kinh tế quốc doanh, mặt khác để thực hiện những mục tiêu chính sau đây:

- Đa dạng hóa các hình thức sở hữu tài sản do vậy kích thích cạnh tranh, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

- Tìm ra người chủ đích thực của công ty và những người chủ này vì lợi ích kinh tế của mình mà dốc sức làm việc, năng động tìm ra những phương án hoạt động thích hợp nhất, quan tâm đến kết quả hoạt động của công ty và sử dụng các nguồn lực của công ty có hiệu quả cao nhất. Nhờ đó mà công ty cũng có thể thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của xã hội.

- Nhà nước sẽ giảm bớt được nguồn chi cho hoạt động của các DN đã CPH. Trong khi đó, lại thu hồi được một phần giá trị tài sản nhờ vào việc bán cổ phiếu, còn nguồn thu từ thuế vẫn không giảm, thậm chí còn tăng lên bởi sự hoạt động có hiệu quả hơn của các DN đã được CPH. Nhờ vậy tiềm lực kinh tế của nhà nước mạnh hơn và sẽ được tập trung đầu tư vào các chương trình

trọng điểm, tác động vào tổng cung, tổng cầu để định hướng, điều tiết kinh tế vĩ mô.

- Thông qua việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu mà thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường vốn. Do vậy vừa tạo khả năng huy động vốn trong và ngoài nước, vừa kích thích tiết kiệm, tích cực đầu tư của mọi tầng lớp dân cư.

- Giảm được sự can thiệp không cần thiết của các cơ quan nhà nước vào hoạt động nghiệp vụ của DN. Nhờ đó các DN sẽ hoạt động năng động, linh hoạt hơn. Mặt khác do tính chất của CTCP nên thực hiện được sự tách biệt phần vốn kinh doanh của nhà nước với tài chính quốc gia nói chung. Vì thế loại trừ được rủi ro trong kinh doanh của DN vốn thường trở thành gánh nặng của ngân sách nhà nước.

- Nền kinh tế không bao giờ "vắng mặt" khu vực kinh tế nhà nước, nhưng tỷ trọng của khu vực kinh tế này trong những ngành, lĩnh vực khác nhau, ở những thời điểm khác nhau không nên là bất biến. Khi nhà nước thấy ở những ngành, lĩnh vực nào đó đã phát triển đủ mạnh thì thực hiện CPH các DN của mình tại đó và chuyển vốn sang những lĩnh vực khác đang cần được đầu tư phát triển. CPH như vậy nhà nước sẽ thực hiện được kế hoạch và định hướng phát triển theo chiến lược cũng như những

chương trình mục tiêu định trước.

- CPH DNNN cũng là quá trình thay đổi vai trò nhà nước từ chỗ tham gia kinh doanh sang vai trò tạo môi trường và điều kiện cho các DN hoạt động. Và đây cũng là biện pháp để hạn chế tham nhũng, hạn chế thất thoát tài sản nhà nước.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUÁ TRÌNH CPH

Qua thời gian thực hiện CPH ở một số đơn vị thí điểm, có mấy vấn đề nổi lên như sau:

1. Khó khăn trong việc đánh giá tài sản hữu hình và vô hình của DN. Khi không đánh giá đúng tài sản DN thì một mặt, việc định giá cổ phần hoặc là sẽ gây thiệt hại cho nhà nước, hoặc bất lợi cho người mua. Mặt khác cũng khó CPH, vì người mua không bao giờ mua cổ phiếu, trái phiếu khi họ không có được những thông tin đầy đủ, chính xác về DN. Khó khăn này phát sinh từ mấy nguyên nhân cơ bản sau:

- Giá trị ban đầu của tài sản cố định tính theo giá bao cấp, ưu đãi của khối SEV trước đây.

- Tỷ giá kết toán nội bộ xa rời giá thực tế.

- Tính khấu hao cơ bản không đúng qui định. Và nếu đúng quy định thì cũng chưa hẳn đã đúng với thực tế.

- Xác định hao mòn vô hình đối với các thiết bị thế nào thì chính xác?

2. Tâm lý một số giám đốc và bộ phận quản lý có hai khía cạnh đáng lưu ý. Thứ nhất, nếu vẫn là DNNN thì chức vụ, cơ chế vận hành, quyền lợi ổn định. Chuyển sang CTCP, nhiều người có thể không còn quyền lợi, vị trí đó nữa, bởi đại hội cổ đông, hội đồng quản trị sẽ thay đổi. Thứ hai, tư tưởng bao cấp, ỷ lại làm họ chưa nhìn thấy hết những tích cực, tính hơn hẳn của CTCP so với hiện tại; những DN đang phát triển bằng lòng với hiện tại, không muốn sự chuyển đổi.

3. Đối với người lao động, một mặt thu nhập của họ thấp nên không có khả năng mua cổ phiếu, mặt khác, sự hiểu biết những thông tin xung quanh việc CPH DNNN còn hạn chế, thậm chí lệch lạc. Bên cạnh đó một số vẫn có tâm lý muốn được nhà nước bao cấp việc làm, thu nhập, phúc lợi, chế độ nhà ở, hưu trí...

4. Môi trường hỗ trợ cho CPH còn nhiều thiếu hụt, chính sách chưa đồng bộ và thị trường chứng khoán thì chưa hình thành. Những khó khăn nổi bật trên cũng chính là những vấn đề cần giải quyết, cần đột phá để thực hiện có hiệu quả quá trình CPH DNNN. Và ở đây, trong lĩnh vực này, nhà nước phải thể hiện được trên thực tế ý chí quyết tâm của mình.



PHÁT TRIỂN KINH TẾ 13